

Số: /QĐ-BVĐ

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ mô hình sinh kế
cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn
bị ảnh hưởng thiên tai trên địa bàn tỉnh

BAN VẬN ĐỘNG CỨU TRỢ TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo; Hướng dẫn số 95/HD-MTTW-BTT, ngày 04/01/2023 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về thực hiện một số nội dung Nghị định 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 120-TB/TU, ngày 20/5/2026 của Thường trực Tỉnh ủy về thống nhất với các nội dung đề xuất của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tại Công văn số 581/MTTQ-BTT, ngày 08/5/2026;

Căn cứ Kế hoạch số 31/KH-MTTQ-BTT ngày 18/8/2026 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam - Thường trực Ban Vận động cứu trợ tỉnh về triển khai mô hình sinh kế phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bị ảnh hưởng thiên tai trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và ý kiến thống nhất của các thành viên Ban Vận động cứu trợ tỉnh về việc phân bổ Quỹ Cứu trợ tỉnh để hỗ trợ mô hình sinh kế phát triển sản xuất; Thông báo số 45/TB-BVĐ ngày 18/8/2026 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam - Thường trực Ban Vận động cứu trợ tỉnh về phân bổ hỗ trợ mô hình sinh kế phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bị ảnh hưởng thiên tai trên địa bàn tỉnh;

Xét Tờ trình của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam - Ban Vận động cứu trợ các xã, phường về việc đề nghị hỗ trợ mô hình sinh kế phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bị ảnh hưởng thiên tai;

Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo và Công tác xã hội - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phân bổ Quỹ Cứu trợ tỉnh số tiền **9.804.000.000 đồng** (Chín tỷ tám trăm linh bốn triệu đồng) để hỗ trợ **817** mô hình sinh kế phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bị ảnh hưởng thiên tai trên địa bàn tỉnh; mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/mô hình (Có phụ lục phân bổ kèm theo).

Điều 2: Nguồn kinh phí trên được chuyển vào tài khoản Quỹ Cứu trợ của các xã, phường mở tại kho bạc nhà nước. Giao Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam - Ban Vận động cứu trợ các xã, phường báo cáo với cấp ủy, phối hợp với UBND cấp xã triển khai hỗ trợ cho các đối tượng trên địa bàn đảm bảo đúng quy định, hướng dẫn; hoàn thành trao hỗ trợ trước ngày **15/10/2026**; lưu hồ sơ thành quyết toán đúng theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3: Ban Vận động cứu trợ tỉnh; Kế toán Ban Vận động cứu trợ tỉnh; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam - Ban Vận động cứu trợ các xã, phường và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Thường trực UB TW MTTQ VN (b/c);
- Ban Công tác xã hội UB TW MTTQ VN (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Thành viên BVĐ cứu trợ tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (p/h);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (p/h);
- TT Đảng ủy, UBND các xã, phường (p/h);
- Lưu: VT, Ban TG&CTXH.

TM. BAN VẬN ĐỘNG
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thành Đồng
Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh

Hà Tĩnh, ngày tháng 9 năm 2026

PHỤ LỤC
Phân bổ hỗ trợ mô hình sinh kế
cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn
bị ảnh hưởng thiên tai trên địa bàn tỉnh
(Kèm Theo Quyết định số...../QĐ-BVĐ ngàytháng 9 năm 2026
của Ban Vận động cứu trợ tỉnh)

TT	Xã/phường	Số lượng mô hình	Mức hỗ trợ/ Mô hình (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1.	Xã Đức Thịnh	15	12.000.000	180.000.000	
2.	Xã Kỳ Khang	15	12.000.000	180.000.000	
3.	Xã Trường Lưu	15	12.000.000	180.000.000	
4.	Xã Kỳ Văn	15	12.000.000	180.000.000	
5.	Xã Thạch Khê	15	12.000.000	180.000.000	
6.	Xã Hương Xuân	15	12.000.000	180.000.000	
7.	Xã Hương Phố	15	12.000.000	180.000.000	
8.	Xã Kỳ Thượng	15	12.000.000	180.000.000	
9.	Xã Vũ Quang	15	12.000.000	180.000.000	
10.	Xã Kỳ Lạc	15	12.000.000	180.000.000	
11.	Xã Mai Hoa	15	12.000.000	180.000.000	
12.	Xã Sơn Kim 2	15	12.000.000	180.000.000	
13.	Xã Sơn Hồng	15	12.000.000	180.000.000	
14.	Xã Hà Linh	14	12.000.000	168.000.000	
15.	Xã Can Lộc	12	12.000.000	144.000.000	
16.	Xã Đức Thọ	12	12.000.000	144.000.000	
17.	Xã Nghi Xuân	12	12.000.000	144.000.000	
18.	Xã Kỳ Anh	12	12.000.000	144.000.000	
19.	Xã Lộc Hà	12	12.000.000	144.000.000	
20.	Xã Cẩm Xuyên	12	12.000.000	144.000.000	
21.	Xã Cổ Đạm	12	12.000.000	144.000.000	
22.	Xã Hương Sơn	12	12.000.000	144.000.000	
23.	Xã Hương Khê	12	12.000.000	144.000.000	

24.	Phường Hà Huy Tập	12	12.000.000	144.000.000	
25.	Xã Thạch Hà	12	12.000.000	144.000.000	
26.	Xã Mai Phụ	12	12.000.000	144.000.000	
27.	Xã Đan Hải	12	12.000.000	144.000.000	
28.	Xã Gia Hanh	12	12.000.000	144.000.000	
29.	Xã Đồng Lộc	12	12.000.000	144.000.000	
30.	Xã Kỳ Xuân	12	12.000.000	144.000.000	
31.	Xã Xuân Lộc	12	12.000.000	144.000.000	
32.	Xã Tiên Điền	12	12.000.000	144.000.000	
33.	Xã Cẩm Bình	12	12.000.000	144.000.000	
34.	Xã Cẩm Duệ	12	12.000.000	144.000.000	
35.	Xã Cẩm Trung	12	12.000.000	144.000.000	
36.	Phường Hoàn Sơn	12	12.000.000	144.000.000	
37.	Xã Tứ Mỹ	12	12.000.000	144.000.000	
38.	Xã Đông Kinh	12	12.000.000	144.000.000	
39.	Xã Cẩm Hưng	12	12.000.000	144.000.000	
40.	Xã Kim Hoa	12	12.000.000	144.000.000	
41.	Xã Toàn Lưu	12	12.000.000	144.000.000	
42.	Xã Cẩm Lạc	12	12.000.000	144.000.000	
43.	Xã Hương Bình	12	12.000.000	144.000.000	
44.	Xã Phúc Trạch	12	12.000.000	144.000.000	
45.	Xã Đồng Tiến	12	12.000.000	144.000.000	
46.	Xã Đức Quang	12	12.000.000	144.000.000	
47.	Xã Tùng Lộc	12	12.000.000	144.000.000	
48.	Xã Đức Minh	12	12.000.000	144.000.000	
49.	Xã Sơn Giang	12	12.000.000	144.000.000	
50.	Xã Kỳ Hoa	12	12.000.000	144.000.000	
51.	Xã Yên Hòa	12	12.000.000	144.000.000	
52.	Xã Việt Xuyên	12	12.000.000	144.000.000	
53.	Xã Thạch Lạc	12	12.000.000	144.000.000	
54.	Xã Hương Đô	12	12.000.000	144.000.000	
55.	Xã Hồng Lộc	12	12.000.000	144.000.000	
56.	Xã Sơn Tây	12	12.000.000	144.000.000	
57.	Xã Thạch Xuân	12	12.000.000	144.000.000	
58.	Xã Đức Đồng	12	12.000.000	144.000.000	
59.	Xã Thượng Đức	12	12.000.000	144.000.000	
60.	Xã Sơn Tiến	12	12.000.000	144.000.000	

61.	Phường Thành Sen	8	12.000.000	96.000.000	
62.	Phường Trần Phú	8	12.000.000	96.000.000	
63.	Phường Sông Trí	8	12.000.000	96.000.000	
64.	Xã Thiên Cầm	8	12.000.000	96.000.000	
65.	Phường Vỹng Áng	8	12.000.000	96.000.000	
66.	Phường Nam Hồng Lĩnh	8	12.000.000	96.000.000	
67.	Phường Hải Ninh	8	12.000.000	96.000.000	
Cộng tổng		817		9.804.000.000	

Số tiền bằng chữ: Chín tỷ tám trăm linh bốn triệu đồng./.

BAN VẬN ĐỘNG CỨU TRỢ TỈNH HÀ TĨNH